

Số: 952/2020/QĐST-HNGĐ

Tân Phú, ngày 17 tháng 11 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án về hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 603/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2020 về việc “Ly hôn” giữa:

* *Nguyên đơn*: Ông Ngô Xuân T, sinh năm 1980

Địa chỉ thường trú: số 303/32 đường T, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

* *Bị đơn*: Bà Huỳnh Thị Phương D, sinh năm 1982

Địa chỉ thường trú: số 303/32 đường T, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2015 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2015;

Căn cứ khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09 tháng 11 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09 tháng 11 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Ông Ngô Xuân T, sinh năm 1980 và bà Huỳnh Thị Phương D, sinh năm 1982.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Ngô Xuân T, sinh năm 1980 và bà Huỳnh Thị Phương D thuận tình ly hôn.

Quan hệ hôn nhân theo Giấy chứng nhận kết hôn số 80/2006 do Ủy ban nhân dân Phường 14, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20/6/2006 chấm dứt kể từ ngày Quyết định ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2.2. *Về con chung*: Ông Ngô Xuân T trực tiếp nuôi con chung tên Ngô Huỳnh Đăng K (Nam), sinh ngày 14/11/2007, bà Huỳnh Thị Phương D được quyền trực tiếp nuôi con chung là Ngô Xuân Gia P (Nam), sinh ngày 01/6/2017.

Ông T và bà D có quyền yêu cầu bà D, ông T cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của ông T, bà D.

Ông T, bà D có quyền, nghĩa vụ được thăm nom con mà không ai được cản trở. Bà D, ông T cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông T, bà D trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Trường hợp ông T, bà D lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà D, ông T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của ông T, bà D.

Trong trường hợp ông T, bà D không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì trên cơ sở lợi ích của con, ông T, bà D hoặc người thân thích, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2.3. *Phương thức cấp dưỡng*:

Ông T, bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. *Về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự*: Ông T, bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn) đồng do ông Ngô Xuân T tự nguyện chịu nhưng được căn trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0070739 ngày 17/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T. Ông T và bà D đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Ngô Xuân T số tiền chênh lệch 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0070739 ngày 17/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T.

Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND quận Tân Phú;
- Chi cục THADS quận Tân Phú;
- UBND Phường 14, quận T, Tp.HCM (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Ngọc Oánh